**TÒA ÁN NHÂN DÂN**
**HUYỆN TÂN HƯNG**
**TỈNH LONG AN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 08/2019/HNGĐ-ST
Ngày 06-8-2019
V/v tranh chấp "Ly hôn, nuôi con"

**NHÂN DANH**
**NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TÂN HƯNG, TỈNH LONG AN**

- ***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***
Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Bà Huỳnh Thị Cẩm Nhung.
Các Hội thẩm nhân dân:
1. Bà Đặng Thị Thu Vui.
2. Ông Võ Hồng Thái.

- ***Thư ký ghi biên bản phiên toà:*** Bà Nguyễn Thị Diễm – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tân Hưng.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tân Hưng tham gia phiên tòa:*** Ông Nguyễn Ngọc Vương - Kiểm sát viên.

Ngày 06 tháng 8 năm 2019, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Tân Hưng tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 65/2019/TLST-HNGĐ ngày 10/5/2019 về tranh chấp "Ly hôn, nuôi con" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 10/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 16/7/2019, giữa các đương sự:

***1. Nguyên đơn:*** Anh Phạm Thanh H, sinh năm: 1982;
Địa chỉ: khu phố G-A, thị trấn T, huyện T, tỉnh Long An.

***2. Bị đơn:*** Chị Đào Thị Hồng N, sinh năm 1985;
Địa chỉ: khu phố G-A, thị trấn T, huyện T, tỉnh Long An.

## NỘI DUNG VỤ ÁN:

*Nguyên đơn anh Phạm Thanh H trình bày:*

Anh và chị Đào Thị Hồng N tự nguyện kết hôn, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn T, huyện T, tỉnh Long An vào ngày 07/7/2015. Quá trình chung sống, vợ chồng anh có 02 con chung Phạm Đào Khả N, sinh ngày 14/4/2015 và Phạm Đăng K, sinh ngày 02/4/2018. Trong thời gian chung sống với nhau giữa anh và chị N thường phát sinh mâu thuẫn, bất đồng ý kiến dẫn đến gây gỗ với nhau, vợ chồng đã sống ly thân từ tháng 8/2018 cho đến nay, chị N đang trực tiếp nuôi con chung Phạm Đào Khả N và Phạm Đăng K.

Nay mâu thuẫn vợ chồng trầm trọng nên anh H xin được ly hôn với chị Đào Thị Hồng N; Về con chung, anh đồng ý giao con chung Phạm Đào Khả N và Phạm Đăng K cho chị N tiếp tục nuôi dưỡng; Về cấp dưỡng, anh đồng ý cấp dưỡng nuôi

02 con chung mỗi tháng 1.500.000 đồng đến khi đủ 18 tuổi; Về tài sản, vợ chồng tự thỏa thuận không yêu cầu giải quyết; Về nợ chung, không có.

*Bị đơn chị Đào Thị Hồng N trình bày:*

Chị thống nhất với lời trình bày của anh H về quan hệ hôn nhân và con chung, chị và anh H có đăng ký kết hôn theo đúng quy định pháp luật. Từ tháng 8/2018, anh H đi học nên vợ chồng đã sống ly thân, chị là người chăm sóc 02 con, anh H không thăm nom cũng không phụ chị nuôi con. Anh H đi học và có quen người phụ nữ khác nên đưa đơn ly hôn chị, vì vậy chị không đồng ý ly hôn xin được đoàn tụ. Trường hợp Tòa án giải quyết ly hôn thì chị yêu cầu được nuôi 02 con chung Phạm Đào Khả N và Phạm Đăng K; anh H phải cấp dưỡng nuôi 02 con mỗi tháng 5.000.000 đồng đến khi đủ 18 tuổi; Về tài sản: Vợ chồng tự thỏa thuận không yêu cầu giải quyết; Về nợ chung: Không có.

*Đại diện Viện kiểm sát phát biểu:*

Về tố tụng: Tòa án đã thực hiện đúng theo trình tự thủ tục qui định tại Bộ luật tố tụng dân sự;

Về nội dung: Hôn nhân giữa anh H và chị N là hợp pháp, có đăng ký kết hôn ngày 07/7/2015, được pháp luật công nhận. Anh H giữ nguyên yêu cầu ly hôn với chị N, tại phiên tòa chị N xin được đoàn tụ. Xét thấy, hôn nhân giữa anh H, chị N không hạnh phúc, thường xuyên bất đồng ý kiến dẫn đến gây gỗ nhau. Anh H và chị N đã sống ly thân từ tháng 8/2018. Cuộc sống vợ chồng giữa anh H, chị N không thể kéo dài, nên anh H yêu cầu ly hôn với chị N là có căn cứ chấp nhận theo khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình; Về con chung: anh H đồng ý để chị N được trực tiếp nuôi con chung Phạm Đào Khả N, sinh ngày 14/4/2015 và Phạm Đăng K, sinh ngày 02/4/2018; Chị N có nguyện vọng được nuôi 02 con chung. Xét, đây là sự tự nguyện của anh H và nguyện vọng của chị N phù hợp với khoản 2 Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình; Về cấp dưỡng nuôi con: tại phiên tòa, chị N yêu cầu anh H cấp dưỡng nuôi 02 con chung mỗi tháng 5.000.000 đồng nhưng chị N không có chứng cứ chứng minh mức thu nhập thực tế của anh H. Anh H đồng ý cấp dưỡng nuôi 02 con chung mỗi tháng 1.500.000 đồng. Xét, tại Công văn số 24/1999/KHXX ngày 17/3/1999 của Tòa án nhân dân Tối cao quy định: "mức đóng góp phí tổn nuôi dưỡng, giáo dục con tối thiểu không dưới ½ (một phần hai) mức lương tối thiểu của Nhà nước quy định tại thời điểm xét xử sơ thẩm đối với một người con". Do đó, yêu cầu của chị N không có cơ sở xem xét. Chỉ có căn cứ chấp nhận mức cấp dưỡng theo pháp luật đã quy định; Về tài sản và nợ chung: không yêu cầu nên không xem xét.

## NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

**1.** *Về thủ tục tố tụng:*

Tòa án đã tiến hành đúng theo trình tự thủ tục quy định tại Bộ luật tố tụng dân sự.

**2.** *Về nội dung vụ án:*

[1] *Về hôn nhân*: anh Phạm Thanh H với chị Đào Thị Hồng N tiến tới hôn nhân và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn T, huyện T, tỉnh Long An vào ngày 07/7/2015. Đây là hôn nhân đúng quy định của pháp luật.

Anh Phạm Thanh H yêu cầu ly hôn với chị Đào Thị Hồng N. Chị Đào Thị Hồng N xin được đoàn tụ. Xét thấy, trong thời gian chung sống vợ chồng anh H và chị N phát sinh mâu thuẫn nên tình cảm vợ chồng giữa anh H và chị N không hạnh phúc, Tòa án đã tiến hành động viên khuyên giải nhưng anh H kiên quyết ly hôn. Hơn nữa, vào tháng 7/2018 anh H và chị N đã được Tòa án giải quyết cho về đoàn tụ để anh H và chị N xây dựng gia đình nuôi dạy con cái nhưng đến nay cuộc sống vợ chồng giữa anh H và chị N cũng không hạnh phúc, tình cảm vợ chồng mâu thuẫn đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được. Chị N xin được đoàn tụ là không có căn cứ chấp nhận. Anh H yêu cầu được ly hôn với chị N là phù hợp với Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình.

[2] Về con chung: chị N yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng 02 con chung Phạm Đào Khả N, sinh ngày 14/4/2015 và Phạm Đăng K, sinh ngày 14/4/2018, anh H đồng ý giao cho chị N được trực tiếp nuôi 02 con chung N và K, đây là sự tự nguyện thỏa thuận giữa anh H và chị N là phù hợp với khoản 2 Điều 81,83 Luật Hôn nhân và Gia đình nên ghi nhận. Do đó, chị N được quyền tiếp tục nuôi dưỡng hai con chung N và K.

[3] Về cấp dưỡng nuôi con: Chị N yêu cầu anh H cấp dưỡng nuôi 02 con mỗi tháng 5.000.000 đồng. Anh H chỉ đồng ý cấp dưỡng nuôi 02 con chung mỗi tháng 1.500.000 đồng.

Xét thấy: Cháu N và cháu K là con chung của chị N và anh H nên cả hai anh chị đều phải có trách nhiệm nuôi dưỡng, chăm sóc con. Tại Công văn số 24/1999/KHXX ngày 17/3/1999 của Tòa án nhân dân Tối cao quy định "mức đóng góp phí tổn nuôi dưỡng, giáo dục con tối thiểu không dưới một phần hai (½) mức lương tối thiểu của Nhà nước quy định tại thời điểm xét xử sơ thẩm đối với một người con". Chị N không chứng cứ chứng minh mức thu nhập thực tế của anh H nên không có cơ sở xem xét yêu cầu của chị N. Cho nên, anh H (bên không trực tiếp nuôi con) có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi một người con với mức cấp dưỡng tối thiểu không được thấp hơn một phần hai (½) mức lương tối thiểu do Nhà nước quy định tại thời điểm xét xử là phù hợp với khoản 2 Điều 82, 83, 116 Luật Hôn nhân và gia đình. Do đó, anh H có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con 02 con chung Phạm Đào Khả N và Phạm Đăng K hàng tháng, mỗi tháng bằng một phần hai (½) mức lương tối thiểu do Nhà nước quy định theo từng thời điểm đối với một người con (Hiện tại, tại thời điểm xét xử thì ½ mức lương tối thiểu là 745.000 đồng), thời gian cấp dưỡng kể từ tháng 8 năm 2019 cho đến khi cháu N và cháu K đủ 18 tuổi.

[4] Về tài sản và nợ chung: không yêu cầu giải quyết nên không đề cập đến.

[5] Về án phí: anh H phải chịu 300.000 đồng tiền án phí Hôn nhân sơ thẩm và 300.000 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm. Nhưng được trừ vào 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số 0008681 ngày 10/5/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tân Hưng, tỉnh Long An. Anh H còn phải nộp tiếp 300.000 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Chi N không phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm.

*Vì các lẽ trên;*

## QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 28, 35, 39, 147, 271, 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ các Điều 9, 51, 56, 81, 82, 83, 84, 110, 116 và 117 Luật Hôn nhân và Gia đình;

Căn cứ vào Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội qui định về án phí, lệ phí Tòa án.

**Tuyên xử:**

1. Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu ly hôn của anh Phạm Thanh H. Anh Phạm Thanh H được ly hôn với chị Đào Thị Hồng N.

2. Về nuôi con chung: Chị Đào Thị Hồng N được quyền tiếp tục nuôi dưỡng và chăm sóc 02 con chung Phạm Đào Khả N, sinh ngày 14/4/2015, giới tính: Nữ và Phạm Đăng K, sinh ngày 02/4/2018, giới tính: Nam. (Hiện cháu N và cháu K đang sống với chị N)

Bên không trực tiếp nuôi con được quyền đến thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung, không ai được quyền cản trở.

Vì lợi ích của con, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con, mức cấp dưỡng nuôi con theo quy định pháp luật.

3. Về cấp dưỡng: Anh Phạm Thanh H có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi 02 con chung Phạm Đào Khả N, sinh ngày 14/4/2015 và Phạm Đăng K, sinh ngày 02/4/2018. Phương thức cấp dưỡng định kỳ hàng tháng, mỗi tháng bằng một phần hai (½) mức lương tối thiểu do Nhà nước quy định theo từng thời điểm đối với một người con (Hiện tại, tại thời điểm xét xử thì ½ mức lương tối thiểu là 745.000 đồng). Thời gian cấp dưỡng kể từ tháng 8 năm 2019 cho đến khi cháu N và cháu K đủ 18 tuổi.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015.

4. Về án phí: Anh Phạm Thanh H phải chịu 300.000 đồng tiền án phí Hôn nhân sơ thẩm và 300.000 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm. Nhưng được trừ vào 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số 0008681 ngày 10/5/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tân Hưng, tỉnh Long An. Anh Phạm Thanh H còn phải nộp 300.000 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Chị Đào Thị Hồng N không phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm.

5. Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án.

Trong trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án

dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

***Nơi nhận:***
- TAND tỉnh; - VKSND tỉnh/H;
- CQ THA DS; - Các Đ/s;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**
**THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Huỳnh Thị Cẩm Nhung**